

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9-2020
V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Nguyễn Văn Lập
<i>Các Hội thẩm nhân dân:</i>	Ông Nguyễn Văn An
	Ông Cao Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Quyên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 34/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST- HNGĐ ngày 07-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị L, sinh năm: 1987; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 4, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Khánh N, sinh năm: 1989; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 2, xã Đa Ploa, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 11 tháng 5 năm 2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Chị Phan Thị L (chị L) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và Anh Nguyễn Khánh N (anh N) tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình cho phép tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Ploa, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 19/5/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh

Nthường xuyên nhậu nhẹt, say sỉn, cờ bạc, thỉnh thoảng còn đánh đập vợ; vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chính vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã; ngoài ra, anh Nsống không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Kể từ tháng 05 năm 2013 đến nay Chị Lđã đưa con về gia đình bố mẹ ruột tại thôn 4, xã H, huyện Đ sinh sống, trong thời gian vợ chồng sống ly thân Chị Lvà anh Nkhông quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa Chị Lvà anh Nkhông còn nên yêu cầu được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Quá trình chung sống với anh N, giữa Chị Lvà anh Ncó 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Khánh Nguyên, sinh ngày 26/3/2011 (cháu Nguyễn), ly hôn Chị Lyêu cầu được nuôi cháu Nguyễn đến khi con thành niên và không yêu cầu anh Nphải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Xác định đến thời điểm hiện tại không có nợ chung, nợ riêng bất kỳ ai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần anh Nđến Tòa tham gia tố tụng nhưng anh Nkhông đến Tòa làm việc nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương thì thấy rằng anh Nvẫn sinh sống, có mặt tại địa phương; giữa Chị Lvà anh Ncó xảy ra mâu thuẫn, hiện tại Chị Lvà anh Nđã sống ly thân một thời gian dài không còn sống chung với nhau.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn Chị Lvẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con; đề nghị Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn với anh N, yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn; không yêu cầu anh Nphải cấp dưỡng nuôi con; xác định không có tài sản chung, nợ chung, nợ riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật về tố tụng.

- Nguyên đơn Chị Lchấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71; bị đơn anh Nkhông chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn biết nhưng không đến Tòa tham gia tố tụng, xét xử nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian chung sống Chị L và anh N xảy ra mâu thuẫn, kể từ tháng 05 năm 2013 đến nay Chị L và anh N không còn sống chung với nhau, Chị L đã đưa con về gia đình bố mẹ ruột sinh sống, trong thời gian vợ chồng sống ly thân các bên không quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa Chị L và anh N không còn, Chị L xin ly hôn nhưng anh N không đến Tòa làm việc nhưng qua xác minh thì thấy rằng mâu thuẫn giữa Chị L và anh N là có thật, hiện cả hai không còn sống chung. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L.

- Về con chung: Chị L yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn đến khi con thành niên, không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; cháu Nguyễn cũng có nguyện vọng ở với chị L. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn cho Chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L yêu cầu được nuôi con nhưng không yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

- Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không xem xét.

- Về nợ chung: Chị L xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị L khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Chị L cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Thị Khánh Nguyên (bản sao); 01 CMND mang tên Phan Thị Lương (bản sao); 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ ông Phan Văn Lễ (bản sao).

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: 01 bản tự khai ngày 11/5/2020 của Chị Phan Thị L; 01 bản tự khai ngày 03/8/2020 của cháu Nguyễn Thị Khánh Nguyên; 01 biên bản xác minh tại Công an xã Đa Ploa ngày 02/7/2020; 01 biên bản xác minh tại UBND xã Đa Ploa ngày 13/8/2020; 01 biên bản xác minh tại thôn 2, xã Đa Ploa ngày 13/8/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng; về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ Anh Nguyễn Khánh N đến Tòa tham gia tố tụng nhưng anh N có tình không đến Tòa tham gia tố tụng, xét xử nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định.

Chị L và anh N chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Ploa, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Được UBND xã Đa Ploa đăng ký kết hôn số 16; quyền 01/2007 vào ngày 19/5/2010, do vậy quan hệ hôn nhân giữa Chị L và anh N được xác lập là hợp pháp. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn Chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh N. Anh N có nơi cư trú tại xã Đa Ploa, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân thì thấy rằng: Sau khi kết hôn Chị L và anh N sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung, anh N không chung thủy và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng không còn tin tưởng nhau và thường xuyên cãi vã. Ngoài ra anh N có nhiều thói hư, tật xấu như: thường xuyên nhậu nhẹt, say sưa, đánh đập chị L; mâu thuẫn gia đình được hai bên nội ngoại đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không có kết quả. Kể từ tháng 05 năm 2013 đến nay Chị L và anh N không còn sống chung với nhau, Chị L đã đưa cháu Nguyễn về gia đình bố mẹ ruột tại thôn 4, xã H sinh sống, trong thời gian vợ chồng sống ly thân các bên không quan tâm gì đến nhau, Chị L xin ly hôn, nhưng anh N có tình bỏ mặc không đến Tòa làm việc. Qua xác minh tại địa phương thì thấy rằng mâu thuẫn giữa Chị L và anh N là có thật, Chị L và anh N sống ly thân hơn 07 năm. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị L và anh N là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân căng thẳng không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn cho Chị L được ly hôn với anh N là có cơ sở, phù hợp với thực tế.

[2.2] Về con chung: Theo giấy khai sinh (bản sao) của Ủy ban nhân dân xã Đa Ploa thể hiện họ tên cháu Nguyễn Thị Khánh Nguyên, sinh ngày 26/3/2011 có họ tên người mẹ Phan Thị Lương, họ tên người cha Nguyễn Khánh Nhật. Căn cứ khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình thì xác định các cháu Nguyễn là con chung của Chị L và anh N.

Xét yêu cầu nuôi con của Chị L thì thấy rằng: Sau khi sinh cháu Nguyễn khoảng 08 tháng, do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không ở chung với nhau nên Chị L đã đưa cháu Nguyễn về gia đình bố mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Hiện tại cháu Nguyễn đang sống ổn định, việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn

hàng ngày được Chị L và gia đình ông bà ngoại chăm sóc tốt; cháu Nguyên còn nhỏ, đã sống với mẹ và ông bà ngoại một thời gian khá dài và đã quen với cách sống, sinh hoạt hàng ngày. Mặt khác, cháu Nguyên có nguyện vọng ở với Chị L để đảm bảo cho cháu Nguyên ổn định nhằm tránh sự thay đổi đột ngột có thể dẫn đến sự lo sợ và phát triển không bình thường cho cháu Nguyên nên cần tiếp tục giao cháu Nguyên cho Chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lyêu cầu được nuôi con nhưng không yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.4] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.5] Về nợ chung: Chị L xác định không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.6] Về án phí: Chị L khởi kiện ly hôn, nuôi con nên phải chịu nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật; anh N không phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị Phan Thị L đối với Anh Nguyễn Khánh N về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Phan Thị L được ly hôn với Anh Nguyễn Khánh N. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 16; quyền số 01/2007 ngày 19/5/2010 của Ủy ban nhân dân xã Đa Ploa, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Khánh Nguyên, sinh ngày 26/3/2011 cho Chị Phan Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đến tuổi thành niên. Anh Nguyễn Khánh N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Phan Thị L phải chịu nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Chị L đã nộp là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0018207 ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, Chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự (chị Lương) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (*ngày 23/9/2020*) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bị đơn anh N vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Đ (02);
- Chi cục THADS huyện Đ (02);
- UBND xã Đ, huyện Đ (01);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Các đương sự (02);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Ấn văn (03);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Lập

